TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN,** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2022/HS-ST Ngày 25 - 7 - 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vì Đình Yêu

Bà Lê Thị Bống

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo: Lường Thị T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1960 tại Phù Yên; nơi cư trú: Bản X, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn Y (đã chết); con bà: Sầm Thị Z (đã chết); có chồng là Hà Trung S (đã ly hôn), bị cáo có 01 con; tiền án: Ngày 15/3/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn La (nay là thành phố Sơn La), tỉnh Sơn La xử phạt 21 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02 tháng 3 năm 2022 đến nay; "có mặt".

- Bị hại:

+ Bà Bùi Thị Đạt, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "có mặt".

+ Bà Chu Thị Lâm, sinh năm 1958, nơi cư trú: tiểu khu 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "có mặt".

+ Ông Bùi Văn Xanh, sinh năm 1967, nơi cư trú: Bản Khẻn Tiên, xã Tân Lang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "vắng mặt".

- Người làm chứng:

+ Chị Lê Thị Phương, sinh năm 1980, nơi cư trú: tiểu khu 6, thị trấn Phù

Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, "vắng mặt".

+ Anh Phạm Văn Tuyền, sinh năm 1991, nơi cư trú: Bản Khẻn Tiên, xã Tân Lang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "có mặt".

+ Ông Lường Ngọc Hồng, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lường Thị T có quen biết với bà Chu Thị Lâm, cư trú tại tiểu khu 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vào năm 2017, bị cáo T biết bà Chu Thị Lâm có nhu cầu xin cho con gái vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Lâm. Bị cáo T nói với bà Lâm mình có khả năng xin cho con gái bà Lâm vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên với điều kiện bà Lâm phải đưa cho T 80.000.000 đồng để giải quyết công việc. Do tin tưởng nên bà Lâm đã đưa cho bị cáo T số tiền 80.000.000 đồng cùng 01 bộ hồ sơ tên Lê Thị Ngân (con gái bà Lâm). Khi thấy bị cáo T không xin được việc cho con gái mình, sau nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng không được nên bà Lâm đã gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an huyện Phù Yên.

Ngoài ra, cùng với thủ đoạn như trên, vào năm 2016, 2017, bị cáo T còn nhận của bà Bùi Thị Đạt số tiền 88.400.000 đồng để xin cho con của bà Đạt là anh Phạm Văn Tuyền làm giáo viên tại huyện Phù Yên và xin chuyển công tác cho anh Phạm Văn Thể từ huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La về huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Bị cáo nhận của ông Bùi Văn Xanh số tiền 71.600.000 đồng để xin cho chị Bùi Ngọc Bích (là con gái ông Xanh) làm giáo viên tại huyện Phù Yên.

Tổng số tiền bị cáo T đã nhận của các bị hại là 240.000.000 đồng, bị cáo T đã chi tiêu cá nhân hết. Khi thấy bị cáo T không xin được việc cho con, bà Bùi Thị Đạt và bà Chu Thị Lâm có yêu cầu bị cáo T viết giấy biên nhận nợ tiền đề ngày 24/11/2017, 27/11/2017, 02/12/2017, 05/12/2017, 04/01/2018, 01/01/2019, 16/01/2019.

Ngày 10/3/2022, cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại các tài liệu nêu trên. Tại Kết luận giám định số 507 ngày 21/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ viết phần nội dung trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1, đến A6, chữ viết có nội dung "*Ngày 27/4/2017-Tôi Lường Thị T- bản Mo 3-Quang Huy-Phù Yên nhận số tiền: 12.000.000đ của em: Chu Thị Lâm khối 13-thị trấn –Phù Yên*"; trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 và chữ viết có nội dung " *Ngày 18/4/2017, T: Bản mo 3 nhận tiền em: Đỗ Thị Lâm khối 13 thị trấn Phù Yên là: 15,500.000đ*" trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 so với chữ viết của Lường Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ mang tên Lường Thị T trên trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1đến A5, A7, A8 và chữ ký dưới mục "người trả" trên mẫu giám định ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết của Lường

Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người, ký viết ra (bút lục 356-358). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 37/CT – VKS - PY ngày 27/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Lường Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lường Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Lường Thị T đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự. Xử phạt bị cáo Lường Thị T từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo T tự nguyện bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 40.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 31.600.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị Đạt số tiền 88.400.000 đồng; bồi thường cho bà Chu Thị Lâm số tiền 80.000.000 đồng.

Trong phần đối đáp, bị cáo Lường Thị T nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Bị hại Bùi Văn Xanh gửi đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đề nghị hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, ông Bùi Văn Xanh đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo T tự nguyện bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 31.600.000 đồng; bà Bùi Thị Đạt yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 88.400.000 đồng; bà Chu Thị Lâm yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 80.000.000 đồng; Ngoài yêu cầu bồi trường nêu trên, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Lường Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lường Thị T khai nhận đã nói dối mình có khả năng xin việc cũng như xin chuyển công tác để các bị hại tin tưởng đưa tiền rồi chiếm đoạt của bà Bùi Thị Đạt số tiền 88.400.000 đồng; chiếm đoạt bà Chu Thị Lâm số tiền 80.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Bùi Văn Xanh số tiền 71.600.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của các bị hại là 240.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cũng như của những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù bản thân không có thẩm quyền cũng như khả năng xin việc hay xin chuyển công tác nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo T đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của ba bị hại với tổng số tiền là 240.000.000 đồng.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự thì "*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*".

Như vậy, hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

[3.2] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo là giáo viên (đã nghỉ hưu), có hiểu biết nhất định về pháp luật; bị cáo sinh năm 1960, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo đã 62 tuổi.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, tuy nhiên mới chỉ bồi thường được 40.000.000 đồng trên tổng số 240.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Cho nên khi áp dụng tình tiết này, hội đồng xét xử cần xem xét ở mức độ phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lường Thị T là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp "Tái phạm". Bị cáo đã ba lần chiếm đoạt tài sản đều trên 2.000.000

đồng nên bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là cán bộ hưu trí, thu nhập chỉ đủ đáp ứng nhu cầu thiết yếu cuộc sống, điều kiện kinh tế còn khó khăn, không có tài sản tích lũy (Bút lục số 146, 147). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Xét việc bị cáo T đã bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 40.000.000 đồng là tự nguyện, không trái pháp luật, Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Xét yêu cầu bồi thường của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 31.600.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị Đạt số tiền 88.400.000 đồng; bồi thường cho bà Chu Thị Lâm số tiền 80.000.000 đồng.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo Lường Thị T đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí, bị cáo T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt Lường Thị T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo Lường Thị T tự nguyện bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Lường Thị T phải tiếp tục bồi thường cho ông Bùi Văn Xanh khoản tiền 31.600.000 đồng (ba mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng); bồi thường cho bà Bùi Thị Đạt số tiền 88.400.000 đồng (tám mươi tám triệu bốn

trăm nghìn đồng); bồi thường cho bà Chu Thị Lâm số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; các Điều 14, 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Lường Thị T được miễn nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2022). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên;
- Người bào chữa (nếu có);

(Giao)

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;

(Gửi)

- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**